

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II MÔN CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI

Năm học: 2025 - 2026

(Tiếp giữa học kỳ 2)

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phân loại thành “chuồng lợn nái hậu bị, chuồng lợn nái đẻ, chuồng gà thịt,...” là kiểu phân loại nào?

- A. Theo đối tượng vật nuôi
- B. Theo giai đoạn sinh trưởng
- C. Theo quy mô chăn nuôi
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 2: Yêu cầu về vị trí, địa điểm xây dựng chuồng nuôi?

- A. Chọn nơi có giao thông thuận tiện
- B. Chọn vị trí cao ráo, thoáng mát, thoát nước tốt, xa khu dân cư, chợ, trường học,...
- C. Chọn vị trí ở trung tâm các thành phố để dễ dàng chứng minh chất lượng của chuồng nuôi
- D. Cả A và B.

Câu 3: Diện tích mỗi ô của chuồng nuôi lợn thịt công nghiệp là:

- A. 5 m²/con
- B. 2 m²/con
- C. 0.7 m²/con
- D. 0.25 m²/con

Câu 4: Máng ăn, máng uống đối với gà nuôi nên có những loại máng thông dụng nào?

- A. Máng ăn tự động và núm uống tự động
- B. Máng dài chia ô và núm uống nhỏ giọt
- C. Máng tròn chia ô và hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 5: Chuồng gà đẻ nuôi lồng được thiết kế giống như chuồng gà nuôi nên chỉ khác:

- A. Hệ sống vệ sinh
- B. Hệ thống lồng nuôi
- C. Hệ thống tản nhiệt
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 6: Chuồng nuôi bò được thiết kế theo kiểu:

- A. Chuồng kín hai dãy
- B. Chuồng hở có một hoặc hai dãy
- C. Chuồng kín hai dãy hoặc chuồng hở có một hoặc hai dãy
- D. Phối kết hợp cả chuồng kín hai dãy và chuồng hở một dãy

Câu 7: Yêu cầu về mặt bằng xây dựng trong xây dựng chuồng nuôi?

- A. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (khách sạn, nhà hàng, sân golf, bể bơi,...)
- B. Tính toán phù hợp với quy mô chăn nuôi, đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi (nơi ở, máng ăn, máng uống, sân chơi,...)
- C. Xây dựng càng lớn càng tốt, tận dụng mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian.
- D. Xây dựng càng nhỏ càng tốt, tối ưu mọi nguồn lực về cơ sở vật chất, không gian

Câu 8: Yêu cầu về nền chuồng trong xây dựng chuồng nuôi?

- A. Nền cao hơn mặt đất 10 – 20 cm để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 1 – 2% đối với chuồng sàn và có rãnh thoát nước đối với chuồng nền.
- B. Nền cao hơn mặt đất 30 – 50 cm để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 1 – 2% đối với chuồng nền và có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn.
- C. Nền cao hơn mặt đất 60 – 120 cm để tránh ẩm ướt, không trơn trượt, độ dốc 2 – 5% đối với chuồng nền và có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 9: “Gà con khi mới nở, cần bố trí quây úm cho gà con mới nở ngay tại chuồng. Sử dụng bìa cứng, cát ép, tấm nhựa,... có chiều cao 40 – 50 cm, đường kính từ 2,5 – 3 m quây úm cho 300 – 500 gà con. Trong quây có bố trí đèn sưởi, máng ăn, máng uống.” Đây là yêu cầu kỹ thuật cho kiểu chuồng nào?

- A. Chuồng nuôi gà thịt
- B. Chuồng gà đẻ nuôi nền
- C. Chuồng gà đẻ nuôi lồng
- D. Chuồng gà nuôi trên không

Câu 10: Dưới đây là các yêu cầu xây dựng chuồng nuôi. Ý nào **không** đúng?

- A. Chia khu riêng biệt: nhà trực, khu cách li, khu làm việc của nhân viên kỹ thuật, nhà kho, khu chế biến thức ăn, khu chăn nuôi, khu vệ sinh khử trùng, khu thay quần áo cho công nhân, khu xử lý chất thải,...
- B. Thiết kế chuồng: phù hợp với từng lứa tuổi, đối tượng vật nuôi và thuận tiện trong nuôi dưỡng, chăm sóc.
- C. Dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi: đầy đủ, phù hợp với đối tượng vật nuôi và từng giai đoạn sinh trưởng. Trang thiết bị chăn nuôi phải đảm bảo hiệu quả, an toàn và dễ vệ sinh.
- D. Hệ thống xử lý chất thải: chỉ cần làm tối giản, đủ để loại bỏ một số chất độc hại. Chất thải chăn nuôi ít gây hại cho môi trường.

Câu 11: “Chuồng (...) thông thường là hệ thống chuồng kín, có hệ thống điều hoà nhiệt độ và thông thoáng khí như quạt, tấm làm mát, quạt thông gió công nghiệp. Chuồng sử dụng máng ăn cố định vào thành chuồng hoặc máng tự động đặt trên nền. Hệ thống cung cấp nước uống và nếm uống tự động.”

Đây là yêu cầu kỹ thuật của loại chuồng nào?

- A. Chuồng nuôi lợn thịt công nghiệp
- B. Chuồng nuôi lợn nái đẻ và nuôi con
- C. Chuồng gà nuôi nền
- D. Chuồng gà đẻ nuôi lồng

Câu 12: “Chuồng nuôi bò cần được bố trí phù hợp để tránh mưa tạt, gió lùa, đảm bảo thoáng mát và thoát nước tốt. Nền chuồng phải cao hơn mặt đất 40 – 50 cm. Trong chuồng nên chia ô cá thể để tránh bò tranh giành thức ăn hay húc nhau. Rãnh thoát nước tiểu, phân được bố trí ngay tại nơi con vật đứng. Nền chuồng có thể lát gạch hoặc bê tông, tránh láng xi măng trơn trượt. Trên nền chuồng rải cát hoặc rơm, rạ băm nhỏ cho bò nghỉ ngơi thoải mái.”

Hãy chỉ ra chi tiết **không** đúng trong đoạn trên.

- A. “phải cao hơn mặt đất 40 – 50 cm”. Đúng phải là: “bằng với mặt đất”.
- B. “ngay tại nơi con vật đứng”. Đúng phải là: “chạy dọc phía sau chuồng”.
- C. “Nền chuồng có thể lát gạch hoặc bê tông, tránh láng xi măng trơn trượt.” Đúng phải là: “Nền chuồng có thể láng xi măng, tránh lát gạch hoặc bê tông trơn trượt.”
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 13: Đây là chế độ dinh dưỡng của giai đoạn sau cai sữa của lợn thịt?

- A. Khẩu phần ăn có hàm lượng protein thô 16 – 18%, nhu cầu năng lượng (ME) 3200 Kcal/kg. Nước uống sạch và đầy đủ theo nhu cầu
- B. ME và protein cao: protein thô 20%, ME 3300 Kcal/kg. Khẩu phần phải được chế biến tốt, cho ăn nhiều bữa/ngày.
- C. Khẩu phần ăn giảm protein thô 13%, ME 3200 Kcal/kg. Nước uống sạch và đầy đủ theo nhu cầu.

D. Khẩu phần ăn có lượng ME và protein thấp. Khẩu phần ăn phải được chế biến kĩ lưỡng.

Câu 14: Phương pháp vật lí trong vệ sinh chuồng nuôi gồm có:

- A. Tiệt độc bằng tia α , khử trùng bằng tia β
- B. Khử trùng, tiệt độc bằng nhiệt độ; khử trùng bằng tia cực tím
- C. Loại bỏ các virus gây hại bằng nhiệt động lực học
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 15: Câu nào sau đây đúng về kĩ thuật nuôi dưỡng lợn thịt?

- A. Lợn được cho ăn đúng theo tiêu chuẩn và khẩu phần ăn.
- B. Bố trí máng ăn đủ cho số lợn trong đàn và cho ăn nhiều lần trong ngày để tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.
- C. Theo dõi tình trạng sức khỏe và khả năng thu nhận thức ăn của lợn để kịp thời điều chỉnh.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 16: Đối với lợn thịt có khối lượng 10 – 35 kg thì mật độ nuôi là bao nhiêu?

- A. 0.4 – 0.5 m²/con
- B. 0.7 – 0.8 m²/con
- C. 1.4 – 1.5 m²/con
- D. 1.7 – 1.8 m²/con

Câu 17: Lợn nái mang thai trung bình trong bao nhiêu ngày?

- A. 90
- B. 107
- C. 108
- D. 114

Câu 18: Giai đoạn vỗ béo bò thịt kéo dài bao lâu?

- A. Kéo dài 6 tháng
- B. Kéo dài 12 tháng
- C. Kéo dài 16 – 30 tháng đến lúc xuất chuồng
- D. Kéo dài từ lúc xuất chuồng đến lúc giết thịt

Câu 19: Hàm lượng Ca trong khẩu phần ăn khi nuôi dưỡng, chăm sóc bò giai đoạn sinh trưởng là bao nhiêu?

- A. 0.3 – 0.6 %
- B. 1.3 – 1.6 %
- C. 3.3 – 3.6 %
- D. 3 – 6 %

Câu 20: Câu nào sau đây đúng về biện pháp cơ giới trong vệ sinh chuồng nuôi?

- A. Sử dụng các dụng cụ như chổi, xẻng, vòi xịt nước,... để loại bỏ chất thải, độn chuồng, bụi bẩn,... ra khỏi nền, sàn, tường, trần của chuồng nuôi sau đó rửa sạch.
- B. Đối với dụng cụ chăn nuôi, sàn, vách ngăn,... bị chất bẩn bám chặt bề mặt lâu ngày, cần ngâm nước 1 – 3 ngày trước khi rửa.
- C. Phương pháp này nên được kết hợp với các phương pháp khử trùng vật lí, hoá học để tăng hiệu quả khử trùng.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 21: Đâu **không** phải một biện pháp bảo vệ môi trường chăn nuôi?

- A. Khử toàn bộ các chất nguy hiểm sử dụng trong quá trình chăn nuôi như phóng xạ, chất kích ứng, tia kích thích,...
- B. Kiểm soát bên trong và bên ngoài trang trại
- C. Quản lí nước thải
- D. Quản lí phân, chất thải rắn

Câu 22: Cho những ý sau:

- Kiểm tra sót nhau ở lợn mẹ.
- Ô úm lợn con có đèn sưởi nhiệt độ 35 °C. Những ngày sau giảm 2 °C/ngày đến ngày thứ 8 duy trì 23-25 °C.
- Cho lợn con bú sữa đầu trong 16h sau sinh (con nhỏ bú trước).

- *Tiêm sắt cho lợn con trong 1 – 3 ngày tuổi.*

Những ý trên đây thuộc nội dung nào?

- A. Những biểu hiện của lợn nái sắp sinh
- B. Công đoạn chuẩn bị cho đỡ đẻ lợn nái
- C. Quá trình đỡ đẻ lợn nái
- D. Chăm sóc lợn nái và lợn con sau sinh

Câu 23: Diện tích chuồng nuôi lợn (DTCN) được tính toán dựa theo công thức nào sau đây?

- A. $DTCN (m^2) = \text{Chiều dài mỗi con (m/con)} \times \text{Chiều rộng mỗi con (m/con)} \times \text{Số lượng con}$
- B. $DTCN (m^2) = \text{Chu vi mỗi con (m/con)} \times \text{Số lượng con}$
- C. $DTCN (m^2) = \text{Mật độ nuôi (m}^2/\text{con)} \times \text{Số con dự định nuôi}$
- D. $DTCN (m^2) = \text{Thể tích chuồng nuôi (m}^3/\text{con)} / \text{Số con dự định nuôi}$

Câu 24: Cho các ý sau:

- *Thời gian nuôi từ ngày bỏ quây úm đến xuất bán.*
- *Mật độ nuôi: 8 – 10 con/m². Nhiệt độ chuồng nuôi: 20 – 22 °C, độ ẩm < 75%.*
- *Thức ăn có hàm lượng protein 17%. Cho gà ăn 4 lần/ngày đêm. Nước cho uống tự do.*
- *Thức ăn, nước uống phải đảm bảo chất lượng, vệ sinh. Tiêm vaccine phòng các bệnh: ND, IB, Gumboro, ...*

Những ý trên đây thuộc bước nào trong quy trình nuôi gà thịt công nghiệp?

- A. Nuôi thịt
- B. Xuất chuồng
- C. Nấu ăn
- D. Kiểm định chất lượng

Câu 25: Đây là công thức tính lượng thức ăn dự trữ cho bò thịt vào vụ đông xuân?

- A. $\text{Lượng thức ăn dự trữ} = [\text{Lượng thức ăn thu nhận (theo dạng tươi)}/\text{bò/ngày} + \text{Lượng thức ăn thu nhận (theo dạng khô)}/\text{bò/ngày}] \times \text{số lượng bò} \times \text{số ngày cho ăn}$
- B. $\text{Lượng thức ăn dự trữ} = \text{Lượng thức ăn thu nhận (theo dạng tươi)}/\text{bò/ngày} \times \text{số lượng bò} \times \text{số ngày cho ăn}$
- C. $\text{Lượng thức ăn dự trữ} = \text{Lượng thức ăn có thể mua} / \text{số lượng bò} / \text{số ngày ăn}$
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 26: Đây là biện pháp gì trong vệ sinh chuồng nuôi?



- A. Sử dụng tia UV khử trùng không khí
- B. Sử dụng máy phun hơi nước javel tự động để sát trùng
- C. Sử dụng dung dịch calcium carbonate để thu hút vi khuẩn
- D. Sử dụng lồng nhiệt động lực học

Câu 27: Chăn nuôi công nghệ cao là:

- A. Là mô hình chăn nuôi đáp ứng đủ mọi quy chuẩn của Cách mạng công nghiệp 4.0.
- B. Là mô hình chăn nuôi ứng dụng các công nghệ, máy móc hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi và giảm nhân công lao động.
- C. Là yếu tố nền tảng của xây dựng một đất nước có sự tự chủ cao, không lo ràng buộc với các nước trên thế giới.
- D. Cả B và C.

Câu 28: Lợi ích của chăn nuôi công nghệ cao là gì?

- A. Giúp thuận tiện trong quản lý vật nuôi
- B. Giúp thuận tiện trong kiểm soát chất lượng sản phẩm
- C. Dễ Dàng truy xuất nguồn gốc
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 29: Trong chăn nuôi lợn công nghệ cao, công nghệ nào được ứng dụng trong xây dựng kiểu chuồng kín có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu tự động và chế tạo các trang thiết bị chăn nuôi như hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống?

- A. Công nghệ AI
- B. Công nghệ HyperFrame
- C. Công nghệ cơ khí tự động hoá
- D. Công nghệ chuồng nuôi tự động

Câu 30: Trong chuồng nuôi lợn áp dụng công nghệ cao, các thông tin về tiểu khí hậu chuồng nuôi (nhiệt độ, độ ẩm, bụi,...), thông tin về đàn lợn (giống, tình trạng sức khỏe, năng suất, dịch bệnh,...) được giám sát nhờ:

- A. Hệ thống camera và hệ thống khử trùng tự động
- B. Hệ thống camera và các thiết bị cảm biến trong chuồng nuôi
- C. Hệ thống cách âm và hệ thống khử trùng tự động
- D. Hệ thống máy tính và hệ thống quạt gió

Câu 31: Ở trong chuồng nuôi bò sữa hiện đại, nền chuồng được trải các tấm cao su lót sàn giúp:

- A. Vệ sinh dễ dàng và tránh trơn trượt
- B. Hấp thu độ ẩm, tránh thoát khí độc ra môi trường
- C. Không chế lượng rác thải do bò tạo ra
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 32: Ở mô hình chăn nuôi gà đẻ công nghệ cao, gà được nuôi tập trung trong:

- A. Chuồng kín có hệ thống kiểm soát nhiệt độ tự động và hệ thống camera giám sát
- B. Chuồng kín có hệ thống biến đổi tiểu khí hậu và hệ thống cảm biến
- C. Chuồng hở có hệ thống lưu thông gió và hệ thống camera giám sát
- D. Chuồng hở có hệ thống cảm biến tác động môi trường xung quanh

Câu 33: Chăn nuôi công nghệ cao được ứng dụng phổ biến trong:

- A. Chăn nuôi tập trung công nghiệp, quy mô lớn
- B. Chăn nuôi quy mô nhỏ nhưng đòi hỏi sự chính xác cao
- C. Chăn nuôi kiểu hợp tác xã
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 34: Đây là kiểu chuồng nào?



- A. Kiểu chuồng nuôi khép kín hoàn toàn nhưng chưa có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động
- B. Kiểu chuồng nuôi khép kín hoàn toàn có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động
- C. Kiểu chuồng nuôi mở hoàn toàn có hệ thống kiểm soát tiểu khí hậu chuồng nuôi tự động
- D. Kiểu chuồng nuôi kín – mở linh hoạt với hệ thống điều tiết theo thời tiết

Câu 35: Đây là mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí chuồng nuôi lợn công nghệ cao:



Số 1 là gì?

- A. Thông tin vật nuôi
- B. Máy chủ
- C. Thiết bị thông minh
- D. Cảm biến

Câu 36: Đây là hệ thống cung cấp thức ăn tự động cho lợn:



Số 1 là gì?

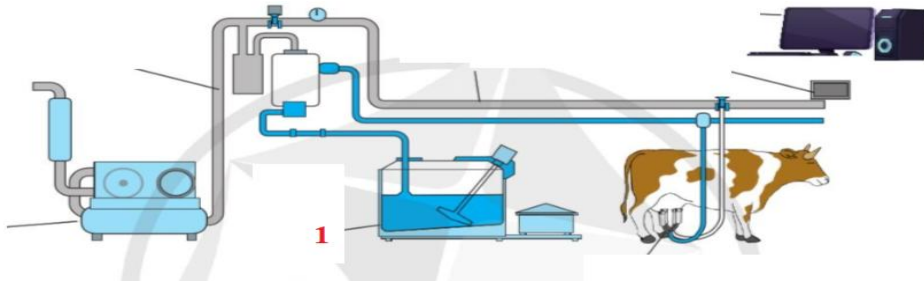
- A. Silo
- B. Đường truyền tải thức ăn
- C. Máng ăn tự động
- D. Hệ thống điện

Câu 37: Hình sau mô tả điều gì?



- A. Robot kiểm soát tiêu khí hậu B. Robot vắt sữa tự động
C. Robot đẩy thức ăn trong chuồng D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 38: Đây là hệ thống vắt sữa tự động trong trang trại bò sữa:



Số 1 trong hình là gì?

- A. Hệ thống ống dẫn B. Ống dẫn chân không
C. Bơm chân không D. Bồn chứa sữa lạnh

Câu 39: Hình nào mô tả “trứng từ các lồng để tự động lăn đến vành đai”?



A.



B.



C.



D.

Câu 40: Câu nào sau đây **không** đúng về nguyên lí hoạt động / mục đích sử dụng của hệ thống cung cấp thức ăn tự động cho lợn?

- A. Thức ăn được bảo quản trong silo. Các silo được kết nối với hệ thống cân điện tử để giám sát lượng thức ăn cấp vào và lấy ra hằng ngày cũng như lượng thức ăn tồn trong silo.
B. Thức ăn từ máng thức ăn theo hệ thống đường truyền vật tải, xích tải đến hộp định lượng silo ở cuối đường truyền. Hộp nhận silo được gắn cảm biến, giúp định lượng thức ăn cho lợn theo hạn mức cài đặt.

- C. Thức ăn được cấp từ hộp định lượng xuống máng ăn.
- D. Hệ thống này sử dụng cho thức ăn khô, dạng viên và dạng bột.

Câu 41: Câu nào sau đây **không** đúng về hệ thống vắt sữa tự động trong trang trại bò sữa hiện đại?

- A. Hệ thống vắt sữa tự động sử dụng máy hoặc robot vắt sữa tự động khép kín hoàn toàn, không tiếp xúc với không khí vì vậy đảm bảo vệ sinh.
- B. Hệ thống vắt sữa tự động có các bơm chân không giúp kiểm soát quá trình vắt sữa và thu thập dữ liệu về năng suất sữa, chất lượng sữa, hàm lượng chất béo, phát hiện bất thường trong sữa.
- C. Thông tin được gửi về hệ thống máy vi tính của trang trại để giúp các nhà quản lý đưa ra các quyết định xử lý kịp thời.
- D. Hệ thống vắt sữa tự động giúp quản lý hiệu quả năng suất, chất lượng sữa và tiết kiệm thời gian, công lao động.

Câu 42: Theo tiêu chuẩn VietGAP, địa điểm chăn nuôi cần phải đảm bảo tiêu chí nào?

- A. Yên tĩnh, xa khu dân cư, trường học, bệnh viện, nơi tụ tập đông người,... và không gây ô nhiễm khu dân cư
- B. Giao thông thuận tiện cho chuyên chở trang thiết bị, nguyên liệu, vật nuôi.
- C. Vị trí cao ráo, thoát nước tốt và có đủ nguồn nước sạch cho vật nuôi.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 43: Theo tiêu chuẩn VietGAP, chuồng trại phải được thiết kế phù hợp với:

- A. Mục đích sản xuất, cơ chế vận hành nhà máy, khả năng tài chính.
- B. Tuổi lứa tuổi, đối tượng vật nuôi và mục đích sản xuất.
- C. Đối tượng vật nuôi, quy mô sản xuất và tình trạng của thị trường.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 44: Theo tiêu chuẩn VietGAP, con giống được lựa chọn phải:

- A. Phù hợp với mục đích chăn nuôi
- B. Có nguồn gốc rõ ràng
- C. Có các đặc tính di truyền tốt và khỏe mạnh
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 45: Theo tiêu chuẩn VietGAP, vật nuôi được chăm sóc theo quy trình phù hợp với:

- A. Nhu cầu của thị trường và khả năng đáp ứng của trang trại
- B. Năng lực của nhân viên và thiết bị máy móc
- C. Đặc điểm sinh lý và từng giai đoạn sinh trưởng
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 46: Thực hiện kiểm tra nội bộ mỗi năm một lần bao gồm:

- A. Thu thập những kết quả tốt và loại bỏ những điểm chưa đạt
- B. Đánh giá hồ sơ lưu trữ và đánh giá hoạt động thực tế của trang trại
- C. Công tác làm việc với các bộ ngành liên quan và hoạt động tìm hiểu thị trường
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 47: So với các quy trình chăn nuôi thông thường, chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP:

- A. Yêu cầu chặt chẽ về an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh và bảo vệ môi trường
- B. Yêu cầu tính ứng dụng cao của công nghệ thông tin trong chăm sóc và quản lý vật nuôi.
- C. Đánh giá cao năng suất và giá thành hơn là việc bảo vệ môi trường.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 48: Ta có thể nói gì về trang trại chăn nuôi này?



- A. Vị trí của trang trại cách xa khu dân cư, yên tĩnh, rộng rãi.
- B. Trang trại được trang bị những công nghệ chăn nuôi tiên tiến nhất.
- C. Trang trại đảm bảo được những yêu cầu về bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn VietGAP.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 49: Theo tiêu chuẩn VietGAP, câu nào sau đây đúng về yêu cầu khi nuôi dưỡng?

- A. Cung cấp khẩu phần ăn đầy đủ dinh dưỡng theo tiêu chuẩn, đáp ứng nhu cầu của từng loại vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng.
- B. Thức ăn có nguồn gốc rõ ràng, sạch, an toàn, không chứa độc tố nấm mốc, vi sinh vật có hại, kháng sinh và chất cấm.
- C. Nước uống được cung cấp đầy đủ và đạt tiêu chuẩn vệ sinh.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 50: Đây là một yêu cầu trong quản lý dịch bệnh theo tiêu chuẩn VietGAP?

- A. Xây dựng kế hoạch kiểm soát động vật, loài gặm nhấm và côn trùng gây hại gồm: côn trùng, chuột, động vật hoang và các vật nuôi khác như chó, mèo.
- B. Vận chuyển vật nuôi bằng các phương tiện đơn sơ nhằm hạn chế lây lan dịch bệnh ra cộng đồng.
- C. Khi một con vật có dấu hiệu bị bệnh, cần phải tiêu huỷ toàn bộ trang trại nhằm tránh lây nhiễm diện rộng.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 51: Các quy định về lựa chọn địa điểm chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP có tác dụng gì?

- A. Giúp các trang trại có thể thoái mái làm tất cả những gì mình muốn mà không phải quan tâm tới ai.
- B. Giúp các trang trại tạo dựng mối quan hệ tốt với cộng đồng dân cư và các quan chức địa phương.
- C. Giúp các trang trại dễ kiểm soát dịch bệnh, đảm bảo về an toàn sinh học và tôn trọng cộng đồng.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 52: Theo tiêu chuẩn VietGAP, ý nào sau đây đúng về yêu cầu khi xây dựng khu chăn nuôi?

- A. Phải có tường hoặc hàng rào bao quanh, cổng ra vào có hồ khử trùng.

B. Bố trí trộn lẫn các khu: khu chuồng trại, khu cách li vật nuôi bệnh, khu cho nhân viên kỹ thuật, kho bảo quản thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y, khu khử trùng, thay quần áo cho công nhân, khu tập kết và xử lý chất thải và các khu phụ trợ khác (nếu có).

C. Phải đảm bảo năng suất và chất lượng mỗi khi vật nuôi được xuất chuồng.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 53: Câu nào sau đây không đúng về việc chuẩn bị con giống theo tiêu chuẩn VietGAP?

A. Nhập con giống cần tuân thủ các quy định gồm: giấy kiểm dịch, có công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo, có quy trình chăn nuôi cho từng giống.

B. Giống mới không được cách li, cần nuôi cùng với giống cũ để hoà nhập ngay.

C. Giống vật nuôi được đánh dấu để quản lý.

D. Áp dụng phương thức quản lý “cùng vào – cùng ra” theo thứ tự ưu tiên: cả khu → từng dãy chuồng → từng chuồng → từng ô.

Câu 54: Lập hồ sơ để ghi chép, theo dõi, lưu trữ thông tin trong suốt quá trình chăn nuôi, từ khâu nhập giống đến xuất bán sản phẩm **không** nhằm phục vụ cho hoạt động:

A. Kiểm tra nội bộ

B. Đánh giá ngoài

C. Truy xuất nguồn gốc

D. Ngăn chặn khiếu nại

Câu 55: Nhiệt độ kho để bảo quản thịt mát là bao nhiêu?

A. -5 – 0°C

B. 0 – 4°C

C. 4 – 10°C

D. 10 – 15°C

Câu 56: Nhiệt độ kho để bảo quản trứng gà tươi là bao nhiêu?

A. 0 – 6°C

B. 6 – 12°C

C. 10 – 13°C

D. 14 – 20°C

Câu 57: Thời gian bảo quản của thịt đông lạnh là bao nhiêu?

A. 15 – 30 ngày

B. 1 – 2 tháng

C. 2 – 6 tháng

D. 6 – 18 tháng

Câu 58: Thời gian bảo quản < 48 giờ là của loại sản phẩm nào?

A. Thịt mát

B. Trứng gà tươi

C. Sữa tươi nguyên liệu

D. Sữa tươi thanh trùng

Câu 59: Độ ẩm kho 70 – 80% là yêu cầu bảo quản của loại sản phẩm nào?

A. Thịt đông lạnh

B. Trứng gà tươi

C. Trứng gà đã qua chế biến

D. Sữa tươi thanh trùng

Câu 60: Đóng gói với bao bì chuyên dụng là yêu cầu bảo quản đối với loại sản phẩm nào?

A. Thịt mát

B. Thịt tái

C. Sữa tươi nguyên liệu

D. Sữa tươi thanh trùng

Câu 61: Công nghệ khử nước là:

A. Công nghệ làm sạch sản phẩm chăn nuôi trước khi đưa vào bảo quản nhằm duy trì sự tươi mới.

B. Phương pháp tách nước khỏi sản phẩm chăn nuôi để duy trì nguyên dạng của vật chất khô.

C. Phương pháp tách nước khỏi sản phẩm chăn nuôi để bảo quản dưới dạng bột.

D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 62: Công nghệ khử nước được ứng dụng cho bảo quản:

A. Sản phẩm sữa

B. Các loại thịt gà

C. Các loại thịt lợn

D. Sản phẩm lòng trứng

Câu 63: Sản phẩm được bảo quản bằng phương pháp HPP có ưu điểm gì?

A. An toàn và giữ được hương vị tươi ngon. Thời gian bảo quản đến 1 năm.

B. An toàn và giữ được hương vị tươi ngon. Thời gian bảo quản đến 120 ngày.

C. Chi phí thấp và giữ được độ đàn hồi, hình dạng. Thời gian bảo quản đến 1 năm.

D. Chi phí thấp và giữ được độ đàn hồi, hình dạng. Thời gian bảo quản đến 120 ngày.

Câu 64: Xúc xích được chế biến từ thịt bò, thịt lợn hoặc thịt gà kết hợp với gia vị và hương liệu bằng phương pháp:

- A. Nhồi thịt vào vỏ collagen hoặc cellulose
- B. Nhồi bánh đúc
- C. Nhồi lòng lợn
- D. Xay nhuyễn và trộn hỗn hợp

Câu 65: Câu nào sau đây **đúng** về công nghệ chế biến xúc xích công nghiệp?

- A. Trong quy trình chế biến xúc xích, công nghệ cơ giới, tự động hoá được ứng dụng ở tất cả các bước từ khâu sơ chế, xay thịt, phối trộn, nhồi, làm chín và đóng gói xúc xích.
- B. Dây chuyền chế biến gồm hệ thống các máy móc công nghiệp hiện đại như máy cắt, nghiền, máy trộn tốc độ cao, máy nhồi dồn xúc xích chân không có hệ thống thắt nút vỏ tự động, hệ thống máy hấp tiệt trùng và xông khói xúc xích điều khiển tự động.
- C. Xúc xích thành phẩm được đóng gói chân không bằng dây chuyền đóng gói tự động, năng suất cao.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 66: Câu nào sau đây là nội dung của bước “Đông tụ sữa” trong chế biến phô mai tươi không ủ chín?

- A. Cho sữa tươi vào nồi, đun nóng sữa ở 50 – 60 °C. Chú ý không đun sôi sữa.
- B. Đợi sữa nguội đến khoảng 40 – 45 °C, cho từ từ nước cốt chanh hoặc dấm vào. Vừa rót vừa khuấy đều theo một chiều, đợi nắp nồi và ủ sữa trong 10 – 15 phút để sữa đông vón. Phần sữa đông vón màu trắng và phần nước màu vàng.
- C. Đặt rây lên trên âu hoặc bát, lót khăn vải hoặc khăn xô lên rây. Dùng thìa hoặc muôi múc hết khối sữa đông cho vào rây, bọc khăn lại ép cho hết nước để thu được phô mai tươi.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 67: Khi muối trứng, nếu chúng ta chuẩn bị nguyên liệu là 10 quả trứng gà, 1.5l nước, 250g muối ăn thì ta cần bao nhiêu rượu trắng?

- A. 5 ml rượu trắng
- B. 50 ml rượu trắng
- C. 0.5l rượu trắng
- D. 1.5l rượu trắng

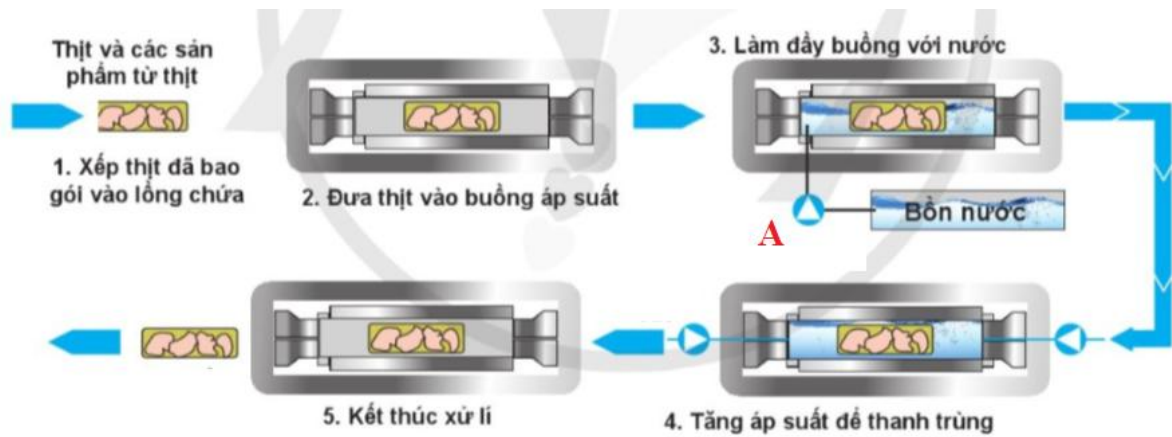
Câu 68: Đây là quy trình sản xuất sữa bột bằng công nghệ khử nước:



Số 1 là gì?

- A. Lọc
- B. Khử trùng Pasteur
- C. Sấy
- D. Cô đặc

Câu 69: Đây là mô hình ứng dụng công nghệ HPP trong bảo quản thịt?



Chỗ chữ A là gì?

- A. Áp suất thấp
- B. Áp suất cao
- C. Đưa sản phẩm ra ngoài
- D. Nạp chất bảo quản

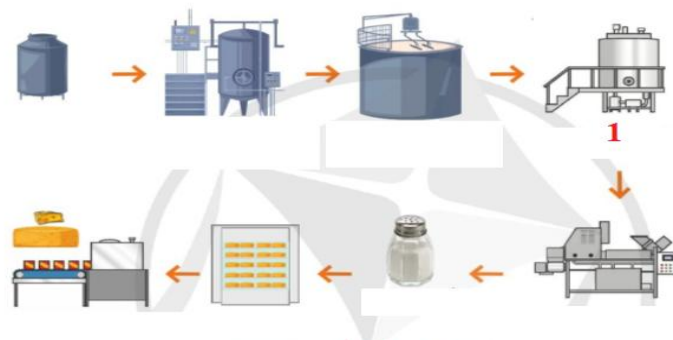
Câu 70: Đây là quy trình chế biến sữa chua công nghiệp:



Số 1 là gì?

- A. Lọc loại bỏ tạp chất, váng sữa
- B. Nhập nguyên liệu: sữa tươi, sữa bột
- C. Khử trùng Pasteur: 90 - 95°C / 3 - 5 phút → làm nguội 38 - 42°C
- D. Đồng hoá: phân tán mỡ trong sữa, hoà tan sữa bột

Câu 72: Đây là quy trình chế biến phô mai công nghiệp:



Số 1 là gì?

- A. Đồng tụ casein trong sữa bằng enzyme rennet hoặc CaCl_2
- B. Thanh trùng Pasteur và làm lạnh
- C. Khử nước, tách whey, cắt và ép khối sữa đông
- D. Ủ chín phô mai

Câu 73: Đây là quy trình chế biến xúc xích quy mô công nghiệp:



Số 1 là gì?

- A. Cắt, nghiền, xay mịn
- B. Bổ sung phụ gia, trộn đều
- C. Nhồi thịt vào vỏ bằng máy nhồi chân không
- D. Làm nguội, kiểm tra, đóng gói chân không

Câu 74 “HPP (High Pressure Processing) là phương pháp bảo quản thực phẩm bằng áp suất cao nhiệt lạnh. Thịt và các sản phẩm từ thịt (xúc xích, thịt băm,...) và phô mai được bao gói trong các túi nhựa chịu nhiệt và được xếp vào các hộp nhựa dẻo chịu áp suất. Các hộp này được đưa vào buồng áp suất cao chứa nước tinh khiết. Áp suất được tăng cao ở mức 3000 – 6000 Mpa ở nhiệt độ -10 đến - 4°C trong 3 – 5 phút, nhằm ức chế, tiêu diệt các kí sinh trùng và vi sinh vật gây bệnh (*E.coli*, *Salmonella*, *Listeria monocytogenes*) trong thịt.”

Đoạn trên có chi tiết nào **không** đúng?

- A. “Thịt và các sản phẩm từ thịt (xúc xích, thịt băm,...)”. Đúng phải là: “Thịt gà và các sản phẩm từ thịt gà (khô gà, gà quay, trứng,...)”.
- B. “buồng áp suất cao chứa nước tinh khiết”. Đúng phải là: “buồng áp suất cao chứa dưỡng chất và chất bảo quản”.
- C. “ở mức 3000 – 6000 Mpa ở nhiệt độ -10 đến - 4°C”. Đúng phải là: “ở mức 300 – 600 Mpa ở nhiệt độ 4 – 10°C”.
- D. Tất cả các đáp án trên.

B. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: Hãy cho biết sự khác nhau giữa chuồng gà thịt nuôi nền với chuồng gà đẻ nuôi nền.

Câu 2: Trình bày một vài yêu cầu về chuồng nuôi bò ở địa phương em.

Câu 3: Hãy mô tả quy trình nuôi gà thịt công nghiệp.

Câu 4: Hãy mô tả quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt lông màu bán chăn thả.

Câu 5: Mô tả quy trình nuôi dưỡng, chăm sóc lợn thịt. Việc phân chia theo các giai đoạn sinh trưởng nhằm mục đích gì?

Câu 6: Để bảo vệ môi trường trong khu vực chăn nuôi, các cơ sở chăn nuôi cần phải thực hiện các biện pháp nào?

Câu 7: Trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt cần phải chia thành 3 giai đoạn để làm gì?

Câu 8: Hãy xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp theo các giai đoạn của lợn thịt.

Câu 9: Dựa vào kiến thức đã được học, hãy tính diện tích chuồng nuôi cho lợn thịt ở các giai đoạn sinh trưởng trong bảng dưới đây:

Giai đoạn	Mật độ nuôi (m ² /con)		Số con dự định nuôi (con)	Diện tích dự kiến (m ²)
	Lợn ngoại	Lợn nhập		
Sau cai sữa đến 30kg	0,5	0,4	300	?
Lợn 30-60kg	0,8	0,6	280	?
Lợn 60-100kg	1	0,8	250	?
Tổng đàn			830	?

Câu 10: Trình bày đặc điểm của chuồng nuôi hiện đại trong nuôi lợn công nghệ cao.

Câu 11: Trình bày nguyên lý hoạt động của hệ thống cung cấp thức ăn trong mô hình nuôi lợn công nghệ cao.

Câu 12: Mô hình chăn nuôi bò sữa công nghệ cao ứng dụng kiểu chuồng nuôi và các trang thiết bị hiện đại nào?

Câu 13: Trình bày hoạt động của hệ thống vắt sữa tự động.

Câu 14: Trình bày đặc điểm của chuồng nuôi gà đẻ công nghệ cao.

Câu 15: Mô tả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chuồng nuôi lợn công nghệ cao.

Câu 16: Ở Việt Nam đang áp dụng những công nghệ nào trong mô hình chăn nuôi lợn công nghệ cao.

Câu 17: Trong quy trình chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGap, địa điểm chuồng trại được quy định như thế nào?

Câu 18: Nêu ưu điểm của quy trình chăn nuôi VietGap so với quy trình chăn nuôi thông thường.

Câu 19: Tại sao giống mới mua về cần nuôi cách li trước khi nhập chuồng?

Câu 20: Giả sử gia đình em chuẩn bị chăn nuôi gà đẻ trứng với quy mô trang trại, gia đình em sẽ lựa chọn địa điểm xây dựng trang trại như thế nào?

Câu 21: Trình bày ứng dụng dây chuyền công nghệ cao trong chế biến sữa chua quy mô công nghiệp.

Câu 22: Công nghệ cao được ứng dụng trong chế biến phô mai ở quy mô công nghiệp như thế nào?

Câu 23: Dựa vào kiến thức đã học, cho biết các sản phẩm chăn nuôi như thịt, trứng, sữa,... được bảo quản trong điều kiện nào?

Câu 24: Mặc dù thịt khi bảo quản trong tủ lạnh sẽ giữ được lâu hơn nhưng thịt để càng lâu sẽ càng mất chất dinh dưỡng và phát sinh vi khuẩn. Em hãy tìm hiểu và nêu những khuyến cáo về thời gian bảo quản thịt trong tủ lạnh.

-HẾT-